

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2025/HS-ST
Ngày: 02-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Trung, ông Nguyễn Công Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thịnh Thực - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Vĩnh Anh T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh năm 2000 tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Trần Vĩnh T1, sinh năm 1969 và con bà Võ Thị T2, sinh năm 1972; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo có vợ là Phạm Thị T3, sinh năm 1998; có 01 người con sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 25/8/2025. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Bùi Thị N – vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Huỳnh Thị K – vắng mặt

Địa chỉ: Số F L, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Phạm Thị Hồng P – vắng mặt

Địa chỉ: Số A A, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà H Khanh B – vắng mặt

Địa chỉ: Số G N, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Nguyễn Thị Kim S – vắng mặt

Địa chỉ: Số A P, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Lê Thị L – vắng mặt
Địa chỉ: Số D N, phường B, tỉnh Đắk Lắk.
+ Bà Bùi Thị Mỹ L1 – vắng mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường E, tỉnh Đắk Lắk.
+ Bà Đặng Thị Thanh N1 – vắng mặt
Địa chỉ: Số D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk.
+ Bà Nguyễn Thị Bích L2 – vắng mặt
Địa chỉ: Số A N, phường B, tỉnh Đắk Lắk.
+ Bà Lê Thị P1 – vắng mặt
Địa chỉ: Số D T phường B, tỉnh Đắk Lắk.
+ Ông Trần Phan Anh T4 – vắng mặt
Địa chỉ: Số D T phường B, tỉnh Đắk Lắk.
+ Bà Trương Thị Thanh T5 – vắng mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường B, tỉnh Đắk Lắk.
+ Bà Nguyễn Thị Kim C – vắng mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk.
+ Ông Huỳnh Tấn N2 – vắng mặt
Địa chỉ: Số E B, phường B, tỉnh Đắk Lắk.
+ Ông Lê Đình P2 – vắng mặt
Địa chỉ: Số B N, phường B, tỉnh Đắk Lắk.
+ Bà Nguyễn Thị H – vắng mặt
Địa chỉ: Số A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk.
+ Bà Phạm Thị T3 – có mặt
Địa chỉ: Số nhà F, thôn D, xã H, thành phố B (Nay là xã H), tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2025, Trần Vĩnh A T tự giới thiệu mình là người cho vay tiền với lãi suất cao, nếu cần thì liên hệ với T để vay tiền mà không cần thế chấp tài sản. Khi có khách liên hệ vay tiền, T đến nơi ở của người vay để thăm định nhà cửa, công việc, nếu thấy đủ điều kiện thì T sẽ đồng ý cho vay tiền. Do T đều quen biết người vay từ trước nên khi vay tiền T không yêu cầu thế chấp tài sản, không giữ giấy tờ tùy thân của người vay. Quá trình hoạt động cho vay tiền, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, gắn sim số thuê bao 0329939265, cài đặt tài khoản Zalo tên “Tiến Mobile”, tài khoản Facebook “Vĩnh Tài” để nhắn tin, gọi điện nhắc nhở người vay đóng tiền gốc, tiền lãi. Ngoài ra, T sử dụng tài khoản Ngân hàng TMCP T7 số 00002177708 mang tên TRAN VINH ANH TAI để chuyển tiền vay và nhận tiền góp hàng ngày của người vay, bên cạnh việc chuyển khoản thì người vay cũng có thể trả tiền mặt.

Về hình thức cho vay: T cho người dân vay tiền hình thức cho vay tiền trả góp (trả gốc và lãi theo ngày) với nhiều gói vay khác nhau với mức lãi suất từ 100.27% đến 456.25%/năm. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2025 đến tháng 8/2025, T đã trực tiếp cho 16 người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Bà Bùi Thị N (sinh năm 1981, trú tại Thôn B, phường T, tỉnh Đắk Lắk), vay 02 dây cụ thể:

* Dây 1:

- Lần 01: Ngày 15/6/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này T đã thu đủ tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- Lần 02: Ngày 04/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- Lần 03: Ngày 18/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 08 ngày với số tiền gốc là 1.280.000đ, thu tiền lãi là 320.000đ, thu lợi bất chính số tiền 305.972đ, bà N còn nợ 12 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 1.920.000đ.

* Dây 2:

- Lần 01: Ngày 25/6/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- Lần 02: Ngày 18/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 08 ngày với số tiền gốc là 1.280.000đ, thu tiền lãi là 320.000đ, thu lợi bất chính số tiền 305.972đ, bà N còn nợ 12 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 1.920.000đ.

Tổng số tiền Tài cho bà N vay là 16.000.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.906.740đ. Bà N còn nợ số tiền gốc là 3.840.000đ.

2. Bà Huỳnh Thị Vy K (sinh năm 1981, trú tại số F L, phường B, tỉnh Đắk Lắk), vay 03 lần cụ thể:

- Lần 01: Ngày 16/6/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- Lần 02: Ngày 27/6/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- Lần 03: Ngày 07/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 10 ngày với số tiền gốc là 1.600.000đ, thu tiền lãi là 400.000đ, thu lợi bất chính số tiền 382.466đ, bà K còn nợ 10 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 1.600.000đ.

Tổng số tiền Tài cho bà K vay là 9.600.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.912.319đ, bà K còn nợ số tiền gốc chưa trả là 1.600.000đ.

3. Bà Phạm Thị Hồng P (sinh năm 1980, trú tại số A AmaSa, phường B, tỉnh Đắk Lắk), vay 02 lần cụ thể:

- Lần 01: Ngày 23/6/2025, vay số tiền 4.800.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 300.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 4.800.000đ, thu tiền lãi là 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.147.398đ.

- Lần 2: Ngày 04/7/2025, vay số tiền 4.800.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 300.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 17 ngày với số tiền gốc là 4.080.000đ, thu tiền lãi là 1.020.000đ, thu lợi bất chính số tiền 975.288đ, bà P còn nợ 03 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 720.000đ.

Tổng số tiền Tài cho bà P vay là 9.600.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.122.686đ, bà P còn nợ số tiền gốc chưa trả là 720.000đ.

4. Bà H'Khanh B1 (sinh năm 1960, trú tại số G N, phường B, tỉnh Đắk Lắk), vay 05 lần cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 24/6/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- Lần 02: Ngày 06/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- Lần 03: Ngày 18/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- Lần 04: Ngày 30/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- Lần 05: Ngày 13/8/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 07 ngày với số tiền gốc là 1.120.000đ, thu tiền lãi là 280.000đ, thu lợi bất chính số tiền 267.726đ, bà K1 còn nợ 13 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 2.080.000đ.

Tổng số tiền Tài cho bà K1 vay là 16.000.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.327.452đ, bà K1 còn nợ số tiền gốc chưa trả là 2.080.000đ.

5. Bà Nguyễn Thị Kim S (sinh năm 1964, trú tại số A P, phường B, tỉnh Đắk Lắk), vay 06 lần cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 20/6/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- Lần 02: Ngày 08/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm.

Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền là 764.932đ.

- *Lần 03*: Ngày 19/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền là 764.932đ.

- *Lần 04*: Ngày 29/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- *Lần 05*: Ngày 04/8/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- *Lần 06*: Ngày 20/8/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 01 ngày với số tiền gốc là 160.000đ, thu tiền lãi là 40.000đ, thu lợi bất chính số tiền 38.247đ, bà S còn nợ lại 19 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 3.040.000đ.

Tổng số tiền Tài cho bà S vay là 19.200.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.862.904đ, bà S còn nợ số tiền gốc chưa trả là 3.040.000đ.

6. Bà Lê Thị L (*sinh năm 1983, trú tại số D N, phường B, tỉnh Đắk Lắk*), vay 02 lần, cụ thể như sau:

- *Lần 01*: Ngày 02/7/2025, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 5.000.000đ, thu tiền lãi là 1.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 917.808đ.

- *Lần 02*: Ngày 15/8/2025, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 07 ngày với số tiền gốc là 1.166.667đ, thu tiền lãi là 233.333đ, thu lợi bất chính số tiền 214.155đ, bà L còn nợ 23 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 3.833.333đ.

Tổng số tiền Tài cho bà L vay là 10.000.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.131.963đ, bà L còn nợ số tiền gốc chưa trả là 3.833.333đ.

7. Bà Bùi Thị Mỹ L1 (*sinh năm 1988, trú tại Tổ dân phố B, phường E, tỉnh Đắk Lắk*), vay 05 lần cụ thể:

- *Lần 01*: Ngày 28/6/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- *Lần 02*: Ngày 11/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- *Lần 03*: Ngày 25/7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm.

Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- *Lần 04*: Ngày 07/8/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- *Lần 05*: Ngày 17/8/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 04 ngày với số tiền gốc là 640.000đ, thu tiền lãi là 160.000đ. T đã thu lợi bất chính số tiền là 152.986đ, bà L1 còn nợ lại 16 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 2.560.000đ.

Tổng số tiền Tài cho bà L1 vay là 16.000.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.212.712đ, bà L1 còn nợ số tiền gốc chưa đóng là 2.560.000đ.

8. Bà Đặng Thị Thanh N1 (*sinh năm 1969, trú tại số D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk*), vay 03 lần cụ thể:

- *Lần 01*: Ngày 18/6/2025, vay số tiền 4.800.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 300.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 4.800.000đ, thu tiền lãi là 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.147.398đ.

- *Lần 02*: Ngày 27/6/2025, vay số tiền 4.800.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 300.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 4.800.000đ, thu tiền lãi là 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.147.398đ.

- *Lần 03*: Ngày 10/7/2025, vay số tiền 4.800.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 300.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 4.800.000đ, thu tiền lãi là 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.147.398đ.

Tổng số tiền Tài cho bà N1 vay là 14.400.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.442.191đ.

9. Bà Nguyễn Thị Bích L2 (*sinh năm 1970, trú tại số A N, phường B, tỉnh Đắk Lắk*) vay 05 lần, cụ thể:

- *Lần 01*: Ngày 16/5/2025, vay số tiền 4.800.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 300.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 4.800.000đ, thu tiền lãi là 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.147.398đ.

- *Lần 02*: Ngày 09/6/2025, vay số tiền 4.800.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 300.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 4.800.000đ, thu tiền lãi là 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.147.398đ.

- *Lần 03*: Ngày 30/6/2025, vay số tiền 4.800.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 300.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 4.800.000đ, thu tiền lãi là 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.147.398đ.

- *Lần 04*: Ngày 12/7/2025, vay số tiền 4.800.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 300.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm.

Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 4.800.000đ, thu tiền lãi là 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền là 1.147.398đ.

- *Lần 05*: Ngày 01/8/2025, vay số tiền 4.800.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 300.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 4.800.000đ, thu tiền lãi là 1.200.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.147.398đ.

Tổng số tiền Tài cho bà L2 vay là 24.000.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 5.736.986đ.

10. Bà Lê Thị P1 (*sinh năm 1984, trú tại số D T, phường B, tỉnh Đắk Lắk*), vay 03 lần, cụ thể:

- *Lần 01*: Ngày 24/6/2025, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 5.000.000đ, thu tiền lãi là 1.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 917.808đ.

- *Lần 02*: Ngày 11/7/2025, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 5.000.000đ, thu tiền lãi là 1.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 917.808đ.

- *Lần 03*: Ngày 11/8/2025, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 10 ngày với số tiền gốc là 1.666.667đ, thu tiền lãi là 333.333đ, thu lợi bất chính số tiền 305.936đ, bà P1 còn nợ 20 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 3.333.333đ.

Tổng số tiền Tài cho bà P1 vay là 15.000.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.141.552đ, bà P1 còn nợ số tiền gốc chưa đóng là 3.333.333đ.

11. Ông Trần Phan Anh T4 (*sinh năm 2006, trú tại số D T, phường B, tỉnh Đắk Lắk*) vay 01 lần vào ngày 04/8/2025, với số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 18 ngày với số tiền gốc là 3.000.000đ, thu tiền lãi là 600.000đ, thu lợi bất chính số tiền 550.685đ, ông T4 còn nợ 12 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 2.000.000đ.

12. Bà Trương Thị Thanh T5 (*sinh năm 1971, trú tại Tổ dân phố F, phường B, tỉnh Đắk Lắk*), vay 02 lần, cụ thể:

- *Lần 01*: Khoảng giữa tháng 6/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- *Lần 02*: Khoảng đầu tháng 7/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

Tổng số tiền Tài cho bà T5 vay là 6.400.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.529.863đ.

13. Bà Nguyễn Thị Kim C (*sinh năm 1997, nơi cư trú: Tổ dân phố T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk*), vay 07 lần, cụ thể:

- *Lần 01*: Ngày 05/6/2025, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 10.000.000đ, thu tiền lãi là 2.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.835.616đ.

- *Lần 02*: Ngày 16/6/2025, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 10.000.000đ, thu tiền lãi là 2.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.835.616đ.

- *Lần 03*: Ngày 03/7/2025, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 10.000.000đ, thu tiền lãi là 2.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.835.616đ.

- *Lần 04*: Ngày 14/7/2025, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 10.000.000đ, thu tiền lãi là 2.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.835.616đ.

- *Lần 05*: Ngày 27/7/2025, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 10.000.000đ, thu tiền lãi là 2.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.835.616đ.

- *Lần 06*: Ngày 08/8/2025, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 10.000.000đ, thu tiền lãi là 2.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 1.835.616đ.

- *Lần 07*: Ngày 17/8/2025, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 04 ngày với số tiền gốc là 1.333.333đ, thu tiền lãi là 266.667đ, thu lợi bất chính số tiền 244.749đ, bà C còn nợ 26 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 8.666.667đ.

Tổng số tiền Tài cho bà C vay là 70.000.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 11.258.447đ, bà C còn nợ số tiền gốc chưa đóng là 8.666.667đ.

14. Ông Huỳnh Tấn N2 (*sinh năm 1998, trú tại số E B, phường B, tỉnh Đắk Lắk*), vay 03 lần, cụ thể:

- *Lần 01*: Ngày 25/6/2025, vay số tiền 3.200.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 3.200.000đ, thu tiền lãi là 800.000đ, thu lợi bất chính số tiền 764.932đ.

- *Lần 02*: Ngày 03/7/2025, vay số tiền 1.600.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 100.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 1.600.000đ, thu tiền lãi là 400.000đ, thu lợi bất chính số tiền 382.466đ.

- *Lần 03*: Ngày 18/7/2025, vay số tiền 1.600.000đ, thời hạn vay 20 ngày, mỗi ngày đóng 100.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 456.25%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 1.600.000đ, thu tiền lãi là 400.000đ, thu lợi bất chính số tiền 382.466đ.

Tổng số tiền Tài cho ông N2 vay là 6.400.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.529.863đ.

15. Ông Lê Đình P2 (*sinh năm 1992, trú tại số B N, phường B, tỉnh Đắk Lắk*), vay 01 lần vào ngày 07/8/2025, với số tiền 10.400.000đ, thời hạn vay 28 ngày, mỗi ngày đóng 400.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 100.27%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 14 ngày với số tiền gốc là 5.200.000đ, thu tiền lãi là 400.000đ, thu lợi bất chính số tiền 320.219đ, ông P2 còn nợ 14 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 5.200.000đ.

16. Bà Nguyễn Thị H (*sinh năm 1995, trú tại số A đường D, phường B, tỉnh Đắk Lắk*), vay 03 lần, cụ thể:

- *Lần 01*: Ngày 19/7/2025, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 5.000.000đ, thu tiền lãi là 1.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 917.808đ.

- *Lần 02*: Ngày 06/8/2025, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ số tiền gốc là 5.000.000đ, thu tiền lãi là 1.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 917.808đ.

- *Lần 03*: Ngày 18/8/2025, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000đ tiền gốc và lãi, tương ứng với lãi suất 243.33%/năm. Khoản vay này, T đã thu được 03 ngày với số tiền gốc là 500.000đ, thu tiền lãi là 100.000đ, thu lợi bất chính số tiền 91.781đ, bà H còn nợ 27 ngày chưa đóng với số tiền gốc là 4.500.000đ.

Tổng số tiền Tài cho bà H vay là 15.000.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.927.397đ, bà H còn nợ số tiền gốc chưa trả là 4.500.000đ.

Thông qua việc cho 16 người dân vay tiền với tổng số tiền gốc là 263.000.000đ, với lãi suất cho vay từ từ 100.27% đến 456.25%/năm, thì Trần Vĩnh Anh T đã thu là 49.873.333đ tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 2.959.342đ nên Trần Vĩnh Anh T đã thu lợi bất chính số tiền 46.913.991đ.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKSĐL –P2 ngày 31/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đã truy tố Trần Vĩnh Anh T về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Vĩnh Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Vĩnh Anh T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Vĩnh A Tài mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự
Đề nghị phạt bổ sung bị cáo Trần Vĩnh A Tài số tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp vào công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46,47,48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu Trắng-Đen, số khung 1808AY350587, số máy: F27E-0398374, dung tích 108cm³, biển số: 47M1-216.26; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 070989 do Phòng C1 Công an tỉnh Đ cấp ngày 01/10/2013 đối với xe mô tô biển số: 47M1 - 216.26 và 01 giấy mua bán xe giữa Phạm Thị T3 và Nguyễn Mạnh T6 cho bà Phạm Thị T3 là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại di động mạng Viettel số 0329939265.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng, số IMEI 1: 357853686884371, số IMEI 2: 357853686538944.

Về trách nhiệm dân sự:

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại cho người vay, với tổng số tiền là 46.913.991đ, cụ thể:

- + Bà Bùi Thị N số tiền 2.906.740đ;
- + Bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 1.912.329đ;
- + Bà Phạm Thị Hồng P số tiền 2.122.686đ;
- + Bà H'Khanh B1 số tiền 3.327.452đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 3.862.904đ;
- + Bà Lê Thị L số tiền 1.131.963đ;
- + Bà Bùi Thị Mỹ L1 số tiền 3.212.712đ;
- + Bà Đặng Thị Thanh N1 số tiền 3.442.191đ;
- + Bà Nguyễn Thị Bích L2 số tiền 5.736.986đ;
- + Bà Lê Thị P1 số tiền 2.141.552đ;
- + Ông Trần Phan Anh T4 số tiền 550.685đ;
- + Bà Trương Thị Thanh T5 số tiền 1.529.863đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 11.258.447đ;
- + Ông Huỳnh Tấn N2 số tiền 1.529.863đ;
- + Ông Lê Đình P2 số tiền 320.219đ;
- + Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.927.397đ.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc và lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu được của những người vay, với tổng số tiền là 224.586.009đ, cụ thể:

- + Bà Bùi Thị N số tiền 12.293.260đ;
- + Bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 8.087.671đ;
- + Bà Phạm Thị Hồng P số tiền 8.977.315đ;
- + Bà H'Khanh B1 số tiền 14.072.548đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 16.337.096đ;
- + Bà Lê Thị L số tiền 6.268.037đ;

- + Bà Bùi Thị Mỹ L1 số tiền 13.587.288đ;
- + Bà Đặng Thị Thanh N1 số tiền 14.557.808đ;
- + Bà Nguyễn Thị Bích L2 số tiền 24.263.014đ;
- + Bà Lê Thị P1 số tiền 11.858.448đ;
- + Ông Trần Phan Anh T4 số tiền 3.049.315đ;
- + Bà Trương Thị Thanh T5 số tiền 6.470.137đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 62.341.552đ;
- + Ông Huỳnh Tấn N2 số tiền 6.470.137đ;
- + Ông Lê Đình P2 số tiền 5.279.781đ;
- + Bà Nguyễn Thị H số tiền 10.672.603đ;
- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo, với tổng số tiền là 41.373.333đ, cụ thể:
- + Bà Bùi Thị N số tiền 3.840.000đ;
- + Bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 1.600.000đ;
- + Bà Phạm Thị Hồng P số tiền 720.000đ;
- + Bà H'Khanh B1 số tiền 2.080.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 3.040.000đ;
- + Bà Lê Thị L số tiền 3.833.333đ
- + Bà Bùi Thị Mỹ L1 số tiền 2.560.000đ;
- + Bà Lê Thị P1 số tiền 3.333.333đ;
- + Ông Trần Phan Anh T4 số tiền 2.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 8.666.667đ;
- + Ông Lê Đình P2 số tiền 5.200.000đ.
- + Bà Nguyễn Thị H số tiền 4.500.000đ.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Vĩnh Anh T không bào chữa tranh luận gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy tại cơ quan điều tra những người có quyền nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới quá trình giải quyết vụ án. Do đó căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2025 đến tháng 8/2025, Trần Vĩnh Anh T đã cho 16 người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay tiền với lãi suất cao hơn lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự với mức lãi suất cho vay từ 100.27% đến 456.25%/năm nhằm thu lợi bất chính với tổng số tiền cho vay là 263.000.000đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 46.913.991đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ phát hiện, xử lý.

Do đó bị cáo Trần Vĩnh Anh T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Vĩnh Anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng mà còn mang tính chất bóc lột, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Trần Vĩnh Anh T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét cân nhắc tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để có mức hình phạt tương xứng, thỏa đáng thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk, HĐXX thấy cần thiết xử phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Trần Vĩnh A T số tiền 45.000.000 đồng để nộp vào công quỹ Nhà nước.

[2.4] Các vấn đề khác:

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Vĩnh Anh T khai còn cho 03 người vay tiền với lãi suất cao gồm: Ông Nguyễn Ngô Hoài N3 (sinh năm 2001, nơi thường trú: 7 H, phường B, tỉnh Đắk Lắk); Chị Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1970,

nơi cư trú: C Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk); bà H'Linh Trang N4 (*sinh năm 1995, nơi cư trú: C H, phường B, tỉnh Đắk Lắk*). Tuy nhiên, những người trên đều không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không xác định được những người này đang ở đâu, làm gì nên chưa có đủ căn cứ xác định các khoản vay nêu trên có vi phạm pháp luật hay không. Do đó, Cơ quan điều tra tách hành vi để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 cuốn sổ bị cáo sử dụng vào việc hoạt động cho vay tiền là vật chứng của vụ án nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu Trắng-Đen, số khung 1808AY350587, số máy: F27E-0398374, dung tích 108cm³, biển số: 47M1-216.26; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 070989 do Phòng C1 Công an tỉnh Đ cấp ngày 01/10/2013 đối với xe mô tô biển số: 47M1 - 216.26 và 01 giấy mua bán xe giữa Phạm Thị T3 và Nguyễn Mạnh T6 cho bà Phạm Thị T3 là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại di động mạng Viettel số 0329939265.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng, số IMEI 1: 357853686884371, số IMEI 2: 357853686538944.

[2.6] Về phần dân sự

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại cho người vay, với tổng số tiền là 46.913.991đ, cụ thể:

- + Bà Bùi Thị N số tiền 2.906.740đ;
- + Bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 1.912.329đ;
- + Bà Phạm Thị Hồng P số tiền 2.122.686đ;
- + Bà H'Khanh B1 số tiền 3.327.452đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 3.862.904đ;
- + Bà Lê Thị L số tiền 1.131.963đ;
- + Bà Bùi Thị Mỹ L1 số tiền 3.212.712đ;
- + Bà Đặng Thị Thanh N1 số tiền 3.442.191đ;
- + Bà Nguyễn Thị Bích L2 số tiền 5.736.986đ;
- + Bà Lê Thị P1 số tiền 2.141.552đ;
- + Ông Trần Phan Anh T4 số tiền 550.685đ;
- + Bà Trương Thị Thanh T5 số tiền 1.529.863đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 11.258.447đ;
- + Ông Huỳnh Tấn N2 số tiền 1.529.863đ;
- + Ông Lê Đình P2 số tiền 320.219đ;
- + Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.927.397đ.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc và lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu được của những người vay, với tổng số tiền là 224.586.009đ, cụ thể:

- + Bà Bùi Thị N số tiền 12.293.260đ;

- + Bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 8.087.671đ;
- + Bà Phạm Thị Hồng P số tiền 8.977.315đ;
- + Bà H'Khanh B1 số tiền 14.072.548đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 16.337.096đ;
- + Bà Lê Thị L số tiền 6.268.037đ;
- + Bà Bùi Thị Mỹ L1 số tiền 13.587.288đ;
- + Bà Đặng Thị Thanh N1 số tiền 14.557.808đ;
- + Bà Nguyễn Thị Bích L2 số tiền 24.263.014đ;
- + Bà Lê Thị P1 số tiền 11.858.448đ;
- + Ông Trần Phan Anh T4 số tiền 3.049.315đ;
- + Bà Trương Thị Thanh T5 số tiền 6.470.137đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 62.341.552đ;
- + Ông Huỳnh Tấn N2 số tiền 6.470.137đ;
- + Ông Lê Đình P2 số tiền 5.279.781đ;
- + Bà Nguyễn Thị H số tiền 10.672.603đ;
- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo, với tổng số tiền là 41.373.333đ, cụ thể:
- + Bà Bùi Thị N số tiền 3.840.000đ;
- + Bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 1.600.000đ;
- + Bà Phạm Thị Hồng P số tiền 720.000đ;
- + Bà H'Khanh B1 số tiền 2.080.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 3.040.000đ;
- + Bà Lê Thị L số tiền 3.833.333đ
- + Bà Bùi Thị Mỹ L1 số tiền 2.560.000đ;
- + Bà Lê Thị P1 số tiền 3.333.333đ;
- + Ông Trần Phan Anh T4 số tiền 2.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 8.666.667đ;
- + Ông Lê Đình P2 số tiền 5.200.000đ.
- + Bà Nguyễn Thị H số tiền 4.500.000đ.

[2.7] Về án phí: Bị cáo Trần Vĩnh Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm với số tiền trả lại. Cụ thể:

Đối với số tiền trả lại là: $46.913.991 \text{ đồng} \times 5\% = 2.345.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 201 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Trần Vĩnh Anh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Vĩnh Anh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 25/8/2025 là 03 ngày, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Vĩnh Anh T còn phải chấp hành 01 (một) năm 02 (hai) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày

Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Trần Vĩnh Anh T cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Phạt bổ sung bị cáo Trần Vĩnh Anh T số tiền 45.000.000 đồng nộp vào công quỹ Nhà nước.

*** Về các biện pháp tư pháp:** Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại di động mạng Viettel số 0329939265

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng, số IMEI 1: 357853686884371, số IMEI 2: 357853686538944.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đắk Lắk).

Chấp nhận Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu Trắng-Đen, số khung 1808AY350587, số máy: F27E-0398374, dung tích 108cm³, biển số: 47M1-216.26; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 070989 do Phòng C1 Công an tỉnh Đ cấp ngày 01/10/2013 đối với xe mô tô biển số: 47M1 - 216.26 và 01 giấy mua bán xe giữa Phạm Thị T3 và Nguyễn Mạnh T6 cho bà Phạm Thị T3 là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng.

Về phần dân sự của vụ án:

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại cho người vay, với tổng số tiền là 46.913.991đ, cụ thể:

- + Bà Bùi Thị N số tiền 2.906.740đ;
- + Bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 1.912.329đ;
- + Bà Phạm Thị Hồng P số tiền 2.122.686đ;
- + Bà H'Khanh B1 số tiền 3.327.452đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 3.862.904đ;
- + Bà Lê Thị L số tiền 1.131.963đ;
- + Bà Bùi Thị Mỹ L1 số tiền 3.212.712đ;
- + Bà Đặng Thị Thanh N1 số tiền 3.442.191đ;
- + Bà Nguyễn Thị Bích L2 số tiền 5.736.986đ;
- + Bà Lê Thị P1 số tiền 2.141.552đ;
- + Ông Trần Phan Anh T4 số tiền 550.685đ;
- + Bà Trương Thị Thanh T5 số tiền 1.529.863đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 11.258.447đ;
- + Ông Huỳnh Tấn N2 số tiền 1.529.863đ;
- + Ông Lê Đình P2 số tiền 320.219đ;
- + Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.927.397đ.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc và lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu được của những người vay, với tổng số tiền là 224.586.009đ, cụ thể:

- + Bà Bùi Thị N số tiền 12.293.260đ;
- + Bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 8.087.671đ;
- + Bà Phạm Thị Hồng P số tiền 8.977.315đ;
- + Bà H'Khanh B1 số tiền 14.072.548đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 16.337.096đ;
- + Bà Lê Thị L số tiền 6.268.037đ;
- + Bà Bùi Thị Mỹ L1 số tiền 13.587.288đ;
- + Bà Đặng Thị Thanh N1 số tiền 14.557.808đ;
- + Bà Nguyễn Thị Bích L2 số tiền 24.263.014đ;
- + Bà Lê Thị P1 số tiền 11.858.448đ;
- + Ông Trần Phan Anh T4 số tiền 3.049.315đ;
- + Bà Trương Thị Thanh T5 số tiền 6.470.137đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 62.341.552đ;
- + Ông Huỳnh Tấn N2 số tiền 6.470.137đ;
- + Ông Lê Đình P2 số tiền 5.279.781đ;
- + Bà Nguyễn Thị H số tiền 10.672.603đ;

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo, với tổng số tiền là 41.373.333đ, cụ thể:

- + Bà Bùi Thị N số tiền 3.840.000đ;
- + Bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 1.600.000đ;
- + Bà Phạm Thị Hồng P số tiền 720.000đ;
- + Bà H'Khanh B1 số tiền 2.080.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 3.040.000đ;
- + Bà Lê Thị L số tiền 3.833.333đ
- + Bà Bùi Thị Mỹ L1 số tiền 2.560.000đ;
- + Bà Lê Thị P1 số tiền 3.333.333đ;
- + Ông Trần Phan Anh T4 số tiền 2.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 8.666.667đ;
- + Ông Lê Đình P2 số tiền 5.200.000đ.
- + Bà Nguyễn Thị H số tiền 4.500.000đ.

***Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Vĩnh Anh T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.345.000 đồng (*Hai triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- PV 06 – Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hoài Trang